

Số: **2803**/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **03** tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Nam Đông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1369/TTr-SNV ngày 28 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân loại 60 thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Nam Đông như sau:

1. Thôn, tổ dân phố loại 2: 04 đơn vị (thôn: 04, tổ dân phố: 0).
2. Thôn, tổ dân phố loại 3: 56 đơn vị (thôn: 51, tổ dân phố: 05).

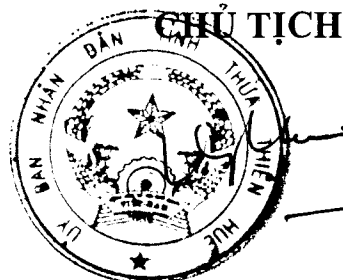
(Có danh sách phân loại thôn, tổ dân phố kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thuộc huyện Nam Đông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBND huyện Nam Đông;
- Các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, NV.



CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Phương





DANH SÁCH

Phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Nam Đông

(Kèm theo Quyết định số 2803/QĐ-UBND ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Tên thôn, tổ dân phố	Phân loại	Ghi chú
I	Thị trấn Khe Tre		
1	Tổ dân phố 1	Loại 3	
2	Tổ dân phố 2	Loại 3	
3	Tổ dân phố 3	Loại 3	
4	Tổ dân phố 4	Loại 3	
5	Tổ dân phố 5	Loại 3	
II	Xã Hương Hữu		
1	Thôn Bá Tang	Loại 3	
2	Thôn Con Gia	Loại 3	
3	Thôn Gia Hìn	Loại 3	
4	Thôn Ra Đàng	Loại 3	
5	Thôn Ra Rang	Loại 3	
6	Thôn Rung Gènh	Loại 3	
7	Thôn Ứ Rang	Loại 3	
III	Xã Hương Lộc		
1	Thôn 1	Loại 2	
2	Thôn 3	Loại 2	
3	Thôn 2	Loại 3	
IV	Xã Hương Phú		
1	Thôn Ka Tư	Loại 2	
2	Thôn Phú Mậu	Loại 3	
3	Thôn Thanh An	Loại 3	
4	Thôn Phú Hòa	Loại 3	
5	Thôn Xuân Phú	Loại 3	
6	Thôn Hà An	Loại 3	
7	Thôn Đa Phú	Loại 3	
8	Thôn Phú Nam	Loại 3	
V	Xã Hương Sơn		
1	Thôn A2	Loại 3	
2	Thôn Bha Bhar	Loại 3	
3	Thôn Pa Noong	Loại 3	
4	Thôn Ta Rung	Loại 3	



ML

Stt	Tên thôn, tổ dân phố	Phân loại	Ghi chú
VI	Xã Hương Xuân		
1	Thôn 8	Loại 2	
2	Thôn 9	Loại 3	
3	Thôn 10	Loại 3	
4	Thôn 11	Loại 3	
5	Thôn Phú Nhuận	Loại 3	
6	Thôn Phú Thuận	Loại 3	
7	Thôn Tây Linh	Loại 3	
8	Thôn Thuận Lộc	Loại 3	
VII	Xã Thượng Long		
1	Thôn A Chiếu	Loại 3	
2	Thôn A Dài	Loại 3	
3	Thôn A Gôn	Loại 3	
4	Thôn A Xăng	Loại 3	
5	Thôn Áp Rung	Loại 3	
6	Thôn Cha Ke	Loại 3	
7	Thôn Ka Đông	Loại 3	
8	Thôn Ta Vác	Loại 3	
VIII	Xã Thượng Lộ		
1	Thôn Cha Mãng	Loại 3	
2	Thôn Dối	Loại 3	
3	Thôn Rìa Hồ	Loại 3	
IX	Xã Thượng Nhật		
1	Thôn ATin	Loại 3	
2	Thôn A Xách	Loại 3	
3	Thôn Hợp Hòa	Loại 3	
4	Thôn La Vân	Loại 3	
5	Thôn Lấp	Loại 3	
6	Thôn Ta Lu	Loại 3	
7	Thôn Ta Rinh	Loại 3	
X	Xã Thượng Quảng		
1	Thôn 1 (Cha Râu)	Loại 3	
2	Thôn 2 (Aròng)	Loại 3	
3	Thôn 3 (AKa)	Loại 3	
4	Thôn 4 (ARò)	Loại 3	
5	Thôn 5 (Vinh Giang)	Loại 3	
6	Thôn 6 (Vinh Hưng)	Loại 3	
7	Thôn 7 (Vinh Mỹ)	Loại 3	

Danh sách gồm có 60 thôn, tổ dân phố (55 thôn và 05 tổ dân phố)